TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2025/KDTM-PT
Ngày: 09/12/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: ông Lương Thanh Chín và ông Nguyễn Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 14/2025/TLPT-KDTM, ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/DS-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2025/QĐ-PT, ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2025/QĐ-PT, ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: số 77 Phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận H, thành phố H. Nay là Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, phường H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà Ngô Thu Hà – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn An – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng SHB- Chi nhánh B (SHB B).

Theo giấy ủy quyền số: số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/7/2023 của Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của ngân hàng SHB.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh Cường – cán bộ xử lý nợ Khu vực miền Trung theo giấy ủy quyền số: 01/2025, ngày 11/02/2025.

Ủy quyền cho ông Hà Anh Tú và ông Ngô Duy Phong – Cán bộ xử lý nợ Hội sở theo giấy ủy quyền số: 10/2025/UQ-SHBBTH ngày 06/5/2025.

Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ: số 07 Lê Hồng Phong, thị trấn L, huyện B, tỉnh B. Nay là số 07 Lê Hồng Phong, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo giấy đăng ký lần đầu: ngày 28/11/2018 đăng ký thay đổi lần thứ: 3 ngày 22/6/2021

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc T – Tổng Giám đốc

Hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu phố Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố H. Nay là Tổ 6, phường Đông Ngạc, thành phố H.

Tạm trú: Khu phố 14, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh B. Nay là Khu phố 14, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu phố Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố H. Nay là Tổ 6, phường Đông Ngạc, thành phố H.

Tạm trú: Khu phố 14, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh B. Nay là Khu phố 14, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng

- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: số 102 Lê Trọng Tấn, khu phố 14, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh B. Nay là số 102 Lê Trọng Tấn, khu phố 14, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T.

Tại phiên tòa có mặt ông Cường, ông T và bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S - H (SHB) đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thanh Cường trình bày:

Công ty T đã ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 với Ngân hàng TMCP S-H, Chi nhánh B như sau:

- Giá trị cấp hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng

- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng (từ ngày 22/5/2019-22/5/2020)

- Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán lẻ

Lãi suất vay:

+ Lãi cho vay trong hạn: được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ.

+ Lãi chậm trả: trường hợp bên B không thanh toán lãi đúng hạn, thì bên B phải trã lãi chậm cho bên A theo mức lãi suất chậm trả quy định của bên A tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

+ Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, bên B phải trả lãi trên dự nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số: 182/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 22/5/2019 đã công chứng tại Văn phòng công chứng L ngày 22/5/2019, số công chứng 1932 đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai B ngày 22/5/2019 cụ thể toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất theo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 567625, số vào số cấp GCN: CS 05182 do Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/01/2019 cập nhật biến động ngày 26/3/2019 chủ sở hữu tài sản trên là ông Nguyễn Quốc T và bà Huỳnh Thị H.

Công ty T đã nhận số tiền vay 10.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 08-162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 21/5/2020 và khế ước nhận nợ số 09-162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2020.

Trong quá trình vay vốn Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. SHB Chi nhánh B đã nhiều lần gửi Thông báo, có biên bản làm việc... nhằm xử lý nợ quá hạn, nhưng Công ty T không thực hiện.

Tính đến ngày 08/10/2024 Công ty T còn nợ tại Ngân hàng nợ gốc 10.000.000.000 đồng vài lãi: 7.400.670.675 đồng, tổng cộng 17.400.670.675 đồng lãi tính đến ngày 08/10/2024.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S - H số tiền tính đến ngày 13/8/2025 là 18.729.159.601 đồng, trong đó gốc: 10.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 276.321.241, tiền lãi quá hạn: 8.374.455.342, tiền lãi chậm trả là: 78.383.018 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/8/2025 theo Hợp đồng tín dụng số: 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 với Ngân hàng TMCP S - H.

Trong trường hợp Công ty T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 567625, số vào số cấp GCN: CS 05182 do. Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/01/2019 cập nhận biến động ngày 26/3/2019 theo hợp đồng thế chấp số: 182/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 22/5/2019, theo khế ước nhận nợ số 08-162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 21/5/2020 và khế ước nhận nợ số 09-162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2020.

Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì Công ty T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ.

Trong đơn khởi kiện trước đây theo giấy phép kinh doanh khi vay nộp tại Ngân hàng có ghi bà Huỳnh Thị H là đại diện theo pháp luật của Công ty nên xác định bà H là bị đơn vì nay bà H cung cấp giấy phép kinh doanh do ông Nguyễn Quốc T đại diện theo pháp luật nên Ngân hàng xác định lại ông Nguyễn Quốc T là bị đơn.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty T đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quốc T trình bày: Công ty T được thành lập ngày 28/11/2018 do ông Nguyễn Quốc T sáng lập và điều hành đầu tư vào Siêu thị Minmart L (B, B).

Ban đầu, công ty có hai thành viên góp vốn: ông Nguyễn Quốc T: 90% vốn điều lệ (09 tỷ đồng) và tôi Huỳnh Thị H: 10% vốn điều lệ (01 tỷ đồng); nhưng sau đó đổi giấy phép lại chỉ còn một thành viên là Nguyễn Quốc T.

Tháng 22/05/2019 Công ty vay tại Ngân hàng SHB hợp đồng tín dụng số: 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 với Ngân hàng TMCP S -H (SHB) - Chi nhánh B số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) có thế chấp tài sản chung của vợ chồng ông và bà Huỳnh Thị H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở diện tích 729,5m^2 tại khu phố Lương Nam, thị trấn L để bảo lãnh khoản vay nhưng khi đến hạn Công ty không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng SHB với số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) và ông đang bị công an điều tra vụ lừa đảo 6.000.000.000 đồng của ông Phương. Tháng 12/2019 ông nhờ bà H đứng tên chủ sở hữu Công ty Phát Lộc để cơ cấu lại nợ cho Ngân hàng khoản vay 10.000.000.000 đồng vào ngày 22/05/2020.

Công ty và Ngân hàng đã có làm việc về việc ngày 11/11/2020 về số nợ hiện nay của Công ty Lộc Phát với Ngân hàng SHB là 12.000.000.000 tỷ đồng và yêu cầu Ngân hàng khởi kiện Công ty nhưng không thấy Ngân hàng khởi kiện.

Tháng 04/2021 toàn bộ tài sản của ông bị phong tỏa để phục vụ Công tác điều tra.

Năm 2021 ông và bà H ly hôn nên bà H chuyển lại toàn bộ Công ty Phát Lộc cho ông, theo biên bản bàn giao ngày 24/3/2021, trong đó ông chịu trách nhiệm toàn bộ khoản nợ của Công ty Phát Lộc, bao gồm khoản vay tại Ngân hàng SHB.

Năm 2021 Ngân hàng SHB liên hệ với ông và bà H, hỏi về việc định giá tài sản thế chấp, ông trả lời Siêu thị Minmart L (B, B) đã được cơ quan Thi hành án B thẩm định giá trị tài sản 28.000.000.000 đồng.

Đến nay Ngân hàng SHB khởi kiện Công ty số nợ tổng cộng gốc và lãi đến ngày 13/8/2025 là 18.729.159.601 đồng, trong đó gốc: 10.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 276.321.241 đồng tiền lãi quá hạn: 8.374.455.342 đồng tiền lãi chậm trả là: 78.383.018 đồng thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý số nợ 12.000.000.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ vào ngày 11/11/2020.

Ông đồng ý dùng tài sản thế chế chấp cho Ngân hàng SHB để trả nợ cho Ngân hàng SHB nhưng số nợ là 12.000.000.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ vào năm 2020 chứ không phải là 18.729.159.601 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày:

Công ty Phát Lộc được thành lập ngày 28/11/2018 do ông Nguyễn Quốc T sáng lập và điều hành đầu tư vào Siêu thị Minmart L (B, B).

Ban đầu, công ty có hai thành viên góp vốn: ông Nguyễn Quốc T: 90% vốn điều lệ (09 tỷ đồng) và Huỳnh Thị H: 10% vốn điều lệ (01 tỷ đồng); nhưng việc đăng ký kinh doanh này ông T tự làm, không hỏi ý kiến bà và khi bà biết chuyện thì bà

không đồng ý.

Ngày 11/01/2019 bà yêu cầu rút khỏi công ty do không muốn liên quan đến hoạt động kinh doanh của ông T, giấy phép công ty được thay đổi thành Công ty TNHH một thành viên do ông T làm chủ sở hữu.

Tháng 05/2019 do ông T vay tại Ngân hàng SHB hợp đồng tín dụng số: 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 với Ngân hàng TMCP S -H số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) có thế chấp tài sản chung của vợ chồng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở diện tích 729,5m^2 tại khu phố Lương Nam, thị trấn L để bảo lãnh khoản vay nhưng khi đến hạn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng SHB với số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) và ông T bị công an điều tra vụ lừa đảo 6.000.000.000 đồng của ông Phương. Tháng 12/2019 ông T đã nhờ bà đứng tên chủ sở hữu Công ty, Ngân hàng yêu cầu bà đứng ra tái cơ cấu, hỗ trợ Công ty Phát Lộc đáo hạn khoản vay 10.000.000.000 đồng nên bà có vay tại Ngân hàng vào tháng 22/05/2020 để xử lý nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình xây dựng và kinh doanh siêu thị, từ năm 2019 ông T liên tục ép buộc bà vay ngoài thêm để ông T đầu tư, ông T cam kết sẽ bán tài sản để trả nợ nhưng không trả vì ông T kinh doanh không có lợi nhuận.

Ngày 06/11/2019 ông T đã lập giấy xác nhận nợ, thừa nhận đã vay tổng cộng 20.000.000.000 đồng từ bà vay dùm, đồng thời cam kết dùng 80% tài sản siêu thị để trả nợ.

Công ty và Ngân hàng đã có làm việc về việc ngày 11/11/2020 về số nợ hiện nay của công Ty Lộc Phát với Ngân hàng SHB là 12.000.000.000 tỷ đồng và yêu cầu Ngân hàng khởi kiện Công ty nhưng không thấy Ngân hàng khởi kiện.

Tháng 04/2021 Công an phong tỏa toàn bộ tài sản của ông T liên quan đến vụ lừa đảo, khiến bà không thể bán Siêu thị để trả nợ như kế hoạch.

Ngày 01/6/2021 bà và ông T ly hôn, ông T buộc bà phải chuyển lại toàn bộ Công ty Phát Lộc cho ông T, theo biên bản bàn giao ngày 24/3/2021, trong đó ông T chịu trách nhiệm toàn bộ khoản nợ của Công ty Phát Lộc, bao gồm khoản vay tại Ngân hàng SHB.

Năm 2021 Ngân hàng SHB liên hệ với ông và bà H, hỏi về việc định giá tài sản thế chấp, ông trả lời Siêu thị Minmart L (B, B) đã được cơ quan Thi hành án B thẩm định giá trị tài sản 28.000.000.000 đồng.

Đến nay Ngân hàng SHB khởi kiện Công ty số nợ tổng cộng gốc và lãi đến ngày 13/8/2025 là 18.729.159.601 đồng, trong đó gốc: 10.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 276.321.241 đồng tiền lãi quá hạn: 8.374.455.342 đồng tiền lãi chậm trả là: 78.383.018 đồng thì bà không đồng ý, chỉ đồng ý số nợ 12.000.000.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ vào ngày 11/11/2020.

Bà đồng ý dùng tài sản thế chế chấp cho Ngân hàng SHB để trả nợ cho Ngân hàng SHB nhưng số nợ là 12.000.000.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ vào năm 2020.

Tại Bản án kinh doanh sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 319, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 74, Điều 75 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S-H về việc kiện " Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S - H số nợ theo đồng hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 và lãi tính đến ngày là 13/8/2025 trong đó số tiền gốc 10.000.00.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 276.321.241 đồng, tiền lãi quá hạn: 8.374.455.342 đồng, tiền lãi chậm trả là: 78.383.018 đồng, tổng cộng 18.729.159.601 đồng (mười tám tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu một trăm năm chín ngàn sáu trăm lẻ một đồng).

Từ ngày 14/8/2025 Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản thế chấp: trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP S - H có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 182/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 22/5/2019 để thu hồi khoản nợ là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 116, địa chỉ đất: khu phố Lương Nam, thị trấn L, huyện B, tỉnh B, diện tích đất 729,5m^2, diện tích xây dựng 560,5m^2, diện tích sàn 1681,5m^2 đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 567625, số vào sổ cấp GCN: CS 05182 do Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/01/2019 cấp nhận biến động ngày 26/3/2019 cho bà Huỳnh Thị H đã công chứng tại Văn phòng công chứng L ngày 22/5/2019, số công chứng 1932 đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai B ngày 22/5/2019.

Nếu số tiền phát mại tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP S-H đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019. Trường hợp số tiền phát mại tài sản trên dư thì trả lại cho bà Huỳnh Thị H.

Về án phí: Công ty T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.729.160 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S - H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 62.500.000 đồng theo biên lai số 00009275 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Lâm Đồng.

Về chi chí xem xét, thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 02/4/2025 với số tiền 5.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp chi phí này nên bị đơn phải nộp để hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, ông Nguyễn Quốc T kháng cáo đối với Bản án KDTM sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân khu vực 13 – Lâm Đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: bị đơn kháng cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T viết tay, không có đóng dấu của Công ty T, ông T trong vụ án kinh doanh thương mại có 02 tư cách, vừa là đại diện pháp nhân của Công ty đồng thời ông Nguyễn Quốc T tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đơn kháng cáo của ông nộp trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn Ngân hàng TMCP S-H khởi kiện yêu cầu Công ty T phải hoàn trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai tổ chức doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là Công ty T có địa chỉ tại số 07 Lê Hồng Phong, thị trấn L, huyện B, tỉnh B, nay là 07 Lê Hồng Phong, xã L, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án huyện B nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 1, Điều 3 của Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15

ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung kháng cáo của bị đơn: ông Nguyễn Quốc T kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại tiền lãi suất quá hạn theo yêu cầu của Ngân hàng mà Bản án Kinh doanh Thương mại số 02/2025/KDTM-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân khu vực 13 – Lâm Đồng xét xử là chưa phù hợp. Đồng thời ông Nguyễn Quốc T cho rằng, khi hai bên chốt các khoản nợ bao gồm số tiền vay và lãi vay đã chốt nợ tại biên bản xác nhận nợ vào năm 2020 là 12.000.000.000đồng và chỉ đồng ý trả số tiền trên, ông không đồng ý số tiền như đơn khởi kiện của Ngân hàng và được tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2025 như Ngân hàng yêu cầu.

[4.1] Xét về hợp đồng vay thấy rằng: ngày 22/5/2019 Công ty T với Ngân hàng TMCP S - H có ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019, số tiền 10.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động bán lẻ, thời gian duy trì hạn mức là 12 tháng, từ ngày 22/5/2019 đến hết ngày 22/5/2020.

Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số: 182/2018/HĐTC-BTB/SHB.132100 ngày 22/5/2019 thửa đất số 153, tờ bản đồ số 116, địa chỉ đất: khu phố Lương Nam, thị trấn L, huyện B, tỉnh B, diện tích đất 729,5m^2, diện tích xây dựng 560,5m^2, diện tích sàn 1681,5m^2 đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 567625, số vào số cấp GCN: CS 05182 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/01/2019 cập nhật biến động ngày 26/3/2019 cho bà Huỳnh Thị H đã công chứng tại Văn phòng công chứng L ngày 22/5/2019, số công chứng 1932 đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai B ngày 22/5/2019 cụ thể toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất

Nội dung và hình thức hợp đồng tín dụng tuân theo quy định của pháp luật. Xác nhận hợp đồng tín dụng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP S-H đã giải ngân cho Công ty T với số tiền là 10.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 08-162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 21/5/2020 và khế ước nhận nợ số 09-162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2020.

Sau khi vay Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Số nợ gốc Công ty T còn nợ là 10.000.00.000 đồng và nợ lãi là 8.729.159.601 đồng toàn bộ số nợ trên bị chuyển sang nợ quá hạn, tiền lãi Công ty cũng không thanh toán để quá hạn. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP S-H là có căn cứ.

[4.2] Đối với kháng cáo cho rằng, khi hai bên chốt các khoản nợ bao gồm số tiền vay và lãi vay đã chốt nợ tại biên bản xác nhận nợ vào năm 2020 là 12.000.000.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng: vào ngày 11/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP S - H và Công ty T có làm việc về xử lý nợ và ngày 17/5/2021 Ngân hàng TMCP S - H có Thông báo xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, theo đó Ngân hàng thông báo cho Công ty T biết tính đến ngày 17/5/2021 Công ty còn nợ gốc và lãi là

11.323.624.451 đồng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ chứ không có thỏa thuận dừng việc tính lãi kể từ ngày 17/5/2021.

Hơn nữa, tại Mục 1.5.3 và Mục 1.6.1 của Hợp đồng tín dụng số 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019. Mục 1.5.1: *"Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, Bên B phải trả lãi trên dự nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc";* Mục 1.6.1 *"Tiền lãi vay được tính trên cơ sở dư nợ và thời gian vay thực tế…".*

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, bảng tính tiền lãi vay của khách hàng về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp. Buộc Công ty T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/8/2025 trong đó số tiền 10.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 276.321.241 đồng, tiền lãi quá hạn: 8.374.455.342 đồng, tiền lãi chậm trả là: 78.383.018 đồng, tổng cộng 18.729.159.601 đồng là có căn cứ.

Ông T cho rằng phía Công ty và Ngân hàng đã chốt số tiền nợ gốc và lãi đến năm 2020 là 12.000.000.000 đồng và chấm dứt không tiếp tục tính lãi nhưng không trình bày được cụ thể việc chốt khoản lãi trên hợp đồng hay chỉ tính đến thời gian xử lý nợ. Do đó, ông T cho rằng công ty chỉ nợ Ngân hàng số tiền 12.000.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Các phần khác của Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm 02/2025/KDTM-ST, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/DS-ST, ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng.

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 319, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 74, Điều 75 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S - H về việc kiện *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S - H số nợ theo đồng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 và lãi tính đến ngày là 13/8/2025 trong đó số tiền gốc 10.000.00.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 276.321.241 đồng, tiền lãi quá hạn: 8.374.455.342 đồng, tiền lãi chậm trả là: 78.383.018 đồng, tổng cộng 18.729.159.601 (mười tám tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu một trăm năm chín ngàn sáu trăm lẻ một) đồng.

Từ ngày 14/8/2025 Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản thế chấp: trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP S - H có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 182/2018/HĐTC-BTB-/SHB.132100 ngày 22/5/2019 để thu hồi khoản nợ là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 116, địa chỉ đất: khu phố Lương Nam, thị trấn L, huyện B, tỉnh B, diện tích đất 729,5m^2, diện tích xây dựng 560,5m^2, diện tích sàn 1681,5m^2 đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 567625, số vào sổ cấp GCN: CS 05182 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/01/2019 cập nhật biến động ngày 26/3/2019 cho bà Huỳnh Thị H đã công chứng tại Văn phòng công chứng L ngày 22/5/2019, số công chứng 1932 đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai B ngày 22/5/2019.

Nếu số tiền phát mại tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP S - H đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 162/2019/HDHM-PN/SHB.132100 ngày 22/5/2019. Trường hợp số tiền phát mại tài sản trên dư thì trả lại cho bà Huỳnh Thị H.

2. Án phí:

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.729.160 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S - H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 62.500.000 đồng theo biên lai số 00009275 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Lâm Đồng.

2.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: ông Nguyễn Quốc T phải nộp 2.000.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tài biên lai thu số 0003078, ngày 10/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; ông T đã nộp đủ.

3. *Về chi chí xem xét, thẩm định tại chỗ:* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 02/4/2025 với số tiền 5.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp chi phí này nên bị đơn phải nộp để hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 13;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng Thi hành án khu vực 13;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái